

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Tổ dân phố 0x, thị trấn ĐH, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 198x.

Địa chỉ: Tổ dân phố 0x, thị trấn M Đ, huyện K P, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 01, thị trấn ĐăkRve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản tiền nợ:

Ông Nguyễn Văn Tr thừa nhận còn nợ Ông Nguyễn Văn V số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng mua bán bao bì cây cao su thanh lý ký kết ngày 16/8/2023 giữa ông V và ông Tr.

2.2. Về nghĩa vụ và phương thức trả nợ:

Ông Nguyễn Văn Tr đồng ý trả cho Nguyễn Văn V số tiền nợ 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) thành 06 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Tại phiên hòa giải ngày 06/02/2024, trả số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*);

- Lần 2: Ngày 10/3/2024 trả số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*);
Lần 3: Ngày 10/4/2024 trả số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*);
Lần 4: Ngày 10/5/2024 trả số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*);
Lần 5: Ngày 10/6/2024 trả số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*);
Lần 6: Ngày 10/7/2024 trả số tiền 70.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

2.3. Về khoản lãi chậm thi hành án:

Kể từ thời điểm thanh toán theo thỏa thuận của các bên, nếu Ông Nguyễn Văn Tr chưa thanh toán các khoản tiền nêu trên cho Ông Nguyễn Văn V thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về phần án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Ông Nguyễn Văn Tr phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn V phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001012 ngày 09/01/2024. Hoàn trả lại cho Ông Nguyễn Văn V số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001012 ngày 09/01/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kon Plông.
- TAND tỉnh Kon Tum.
- Chi cục THADS huyện Kon Plông.
- Các đương sự.
- Lưu HS/VA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ

